|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM** | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| Số: /TTr–NHNN | | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* | |
| Dự thảo | |  | |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Luật xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/7/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng (sau đây gọi là Luật xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế**

**1. 1. Những kết quả đạt được**

Trải qua gần 05 năm đi vào thực tiễn, các quy định tại 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (Nghị quyết số 42) đã tạo ra hành lang pháp lý cần thiết cho công tác xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD), Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), mang lại những chuyển biến tích cực trong công tác xử lý nợ xấu và góp phần không nhỏ vào kết quả công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020, thể hiện định hướng, chính sách đúng đắn của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, tạo niềm tin đối với hệ thống các TCTD nói riêng và toàn bộ xã hội nói chung đối với công tác xử lý nợ xấu trong nền kinh tế.

Theo báo cáo của các TCTD, tổng nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42 của toàn hệ thống các TCTD đến 31/12/2020 là 440,4 nghìn tỷ đồng[[1]](#footnote-1), giảm 4,29% so với cuối năm 2019. Lũy kế từ 15/08/2017 đến 31/12/2020, đã xử lý được 331,87 nghìn tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42[[2]](#footnote-2).

Tổng số nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 được xử lý từ 15/8/2017 đến 31/12/2020 đạt trung bình khoảng 8,09 nghìn tỷ đồng/tháng, cao hơn 4,57 nghìn tỷ đồng/tháng so với kết quả xử lý nợ xấu nội bảng trung bình tháng từ năm 2012 – 2017 của hệ thống các TCTD trước khi Nghị quyết số 42 có hiệu lực (khoảng 3,52 nghìn tỷ đồng/tháng).

Trước khi có Nghị quyết số 42, nợ xấu của toàn hệ thống các TCTD chủ yếu được xử lý bằng dự phòng rủi ro cũng như thông qua các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, kể từ khi Nghị quyết số 42 có hiệu lực từ 15/8/2017 đến 31/12/2020, xử lý nợ xấu nội bảng xác định theo Nghị quyết số 42 thông qua hình thức khách hàng trả nợ là 129,82 nghìn tỷ đồng (chiếm 39,11% tổng nợ xấu theo Nghị quyết số 42 đã xử lý), cao hơn nhiều tỷ trọng nợ xấu được xử lý do khách hàng tự trả nợ/tổng nợ xấu đã xử lý trung bình năm từ 2012-2017 là khoảng 22,8%.

Trên cơ sở những kết quả quan trọng đó, tại Phiên họp thứ 47, UBTVQH (Khóa XIV) đã tiến hành thảo luận, cho ý kiến đối với Báo cáo số 358/BC-CP ngày 5/8/2020 về kết quả 03 năm thực hiện Nghị quyết số 42 và đã kết luận tại Thông báo số 3844/TB-TTKQH ngày 17/8/2020: *“UBTVQH hoan nghênh sự chủ động của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) trong việc đánh giá 03 năm thực hiện Nghị quyết số 42 bên cạnh việc đánh giá hằng năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Nghị quyết này…UBTVQH đánh giá cao những cố gắng của Chính phủ, NHNN, các Bộ, ngành trung ương và địa phương, đặc biệt là các TCTD trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 42 trong thời gian qua đã đạt những kết quả rất tích cực. Tỷ lệ nợ xấu giảm, chất lượng tín dụng được cải thiện chứng tỏ sự đúng đắn, hiệu quả của việc thực hiện Nghị quyết….”.*

**1.2. Những tồn tại, hạn chế**

Sau gần 05 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, với ý nghĩa là một chính sách mới, đang được thực hiện thí điểm, trong quá trình triển khai Nghị quyết sẽ khó tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc. Theo đó, quá trình xử lý nợ xấu còn tồn tại một số vấn đề chính như sau:

*1.2.1. Về về việc mua, bán nợ xấu của tổ chức mua, bán nợ xấu (Điều 6 Nghị quyết số 42)*

Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 42 quy định *"Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thỏa thuận với tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này mua khoản nợ xấu với giá mua bằng giá trị định giá của tổ chức định giá độc lập…”*. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định pháp luật cụ thể về việc thẩm định giá các khoản nợ xấu, về tiêu chuẩn thẩm định định giá các khoản nợ xấu. Do đó, việc thẩm định giá các khoản nợ xấu đang được các tổ chức thẩm định giá thực hiện một cách tự phát trên cơ sở dựa trên các quy định pháp luật có tính chất tương đồng. Điều này dẫn đến việc tổ chức định giá thực hiện mất nhiều thời gian, kết quả không chính xác, gây khó khăn cho các bên trong việc lựa chọn mức giá tham khảo trong giao dịch mua bán nợ.

*1.2.2. Khó khăn, vướng mắc về quy định liên quan đến thỏa thuận về thu giữ trong hợp đồng bảo đảm*

Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 42/2017/QH14, điều kiện TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là *“Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm…”*. Tuy nhiên, các hợp đồng bảo đảm được ký kết trước thời điểm Nghị quyết 42 có hiệu lực đều không quy định trực tiếp nội dung này (vì tại thời điểm hợp đồng được ký kết thì Nghị định 163/2006/NĐ-CP không quy định nội dung này). Do vậy, để đủ điều kiện áp dụng quyền thu giữ tài sản bảm đảm theo quy định trên, các TCTD phải đàm phán lại với bên vay/bên bảo đảm để ký lại hợp đồng bảo đảm có điều khoản thu giữ. Tuy nhiên, khách hàng thường không hợp tác (không ký lại nội dung điều chỉnh hợp đồng bảo đảm có điều khoản thu giữ), vì vậy, các TCTD rất khó để thực hiện việc thu giữ tài sản bảo đảm theo Điều 7 Nghị quyết 42.

*1.2.3. Khó khăn, vướng mắc về phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn*

Hiện nay, quy định tại Nghị quyết 42 chỉ áp dụng thủ tục rút gọn đối với tranh chấp về nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm, tranh chấp về quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD, VAMC mà chưa quy định được áp dụng thủ tục rút gọn đối với các tranh chấp hợp đồng tín dụng của các TCTD với khách hàng vay. Trong khi đó, các tranh chấp của các khoản nợ xấu tại các TCTD hầu hết là các tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Do đó, việc không quy định thủ tục rút gọn đối với các tranh chấp về hợp đồng tín dụng gây rất nhiều khó khăn, hạn chế cho các TCTD trong việc xử lý nợ xấu.

*1.2.4. Khó khăn, vướng mắc về phạm vi áp dụng việc hoàn trả vật chứng*

Điều 14 Nghị quyết 42 mới chỉ quy định về việc hoàn trả tài sản là vật chứng trong vụ án hình sự cho các TCTD mà chưa quy định về việc hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật của các vụ việc hành chính cho các TCTD. Trên thực tế xảy ra nhiều vụ việc tài sản bảo đảm là phương tiện vận tải bị cơ quan công an tịch thu, tạm giữ do là tang vật trong vụ việc vi phạm bị xử lý hành chính hoặc do vi phạm luật giao thông đường bộ. Các cơ quan nhà nước không hoàn trả các tài sản này cho TCTD do chưa có văn bản pháp luật quy định về nội dung này. Trong các trường hợp khác nhau, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính là bán đấu giá tài sản bảo đảm là tang vật của vụ việc vi phạm hành chính theo quyết định xử lý vi phạm hành chính, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản này sẽ được sử dụng theo quy định của pháp luật mà không chuyển cho TCTD. Hoặc sau khi xử lý tài sản bảo đảm là tang vật trong vụ việc vi phạm hành chính, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ trả lại tài sản là tang vật trong vụ việc vi phạm hành chính cho chủ tài sản là bên bảo đảm. Như vậy việc xử lý tài sản bảo đảm là tang vật trong vụ việc vi phạm hành chính nêu trên đã dẫn đến việc TCTD không còn tài sản bảo đảm, gây thiệt hại cho TCTD

*1.2.5. Còn thiếu các quy định tạo lập, thúc đẩy thị trường mua, bán nợ*

Để thị trường mua bán nợ hình thành và hoạt động có hiệu quả, cần phải được đảm bảo về chủ thể tham gia thị trường (có người bán, người mua và người cung cấp dịch vụ hỗ trợ, môi giới trung gian...) và hệ thống quy định pháp luật để vận hành thị trường như các quy định pháp lý về quyền và trách nhiệm của người bán, người mua nợ, về thủ tục mua, bán khoản nợ, định giá khoản nợ; các quy định pháp lý trong hoạt động thu giữ tài sản để phát mại.

Chủ thể tham gia thị trường mua bán nợ bị hạn chế theo quy định pháp luật: Luật số 69/2014/QH13 Điều 26 Khoản 2 quy định đối với doanh nghiệp nhà nước “*Doanh nghiệp được quyền bán nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Doanh nghiệp chỉ được bán nợ cho tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán trực tiếp cho đối tượng nợ...*”.

Như vậy, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được mua nợ xấu của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng không thể bán được nợ cho bên thứ ba (ngoài DATC, AMC của các TCTD) nếu bên thứ ba không có đăng ký kinh doanh về ngành nghề mua bán nợ. Trong khi đó các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ không bị giới hạn này (TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được bán nợ cho các tổ chức khác, cá nhân không kinh doanh dịch vụ mua, bán nợ), điều này ảnh hưởng đến mục tiêu xử lý nhanh nợ xấu, do đó, cần thiết phải có quy định để mở rộng đối tượng được mua nợ xấu của tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu bao gồm cả các pháp nhân, cá nhân không có chức năng mua, bán nợ (như Malaysia, Hàn Quốc...) không giới hạn đối tượng được mua nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty xử lý nợ. Do đó, cần có quy định đối tượng mua nợ bao gồm cả pháp nhân, cá nhân không có chức năng kinh doanh, mua bán nợ xấu.

Ngoài ra, chưa có quy định về việc TCTD/VAMC được bán nợ dưới giá thị trường. Nếu không có quy định này dễ dẫn đến việc hình sự hóa các quan hệ tín dụng.

*1.2.6. Vướng mắc trong quá trình thực thi Nghị quyết*

Thời gian qua, NHNN đã nhận được nhiều phản ánh của TCTD, VAMC liên quan đến vướng mắc trong quá trình thực thi Nghị quyết 42 như: nhiều cơ quan công an, chính quyền địa phương chưa thực sự hỗ trợ TCTD trong quá trình thu giữ hoặc việc hỗ trợ chỉ dừng lại ở việc bảm đảm an ninh trật tự và không có các biện pháp xử lý khi bên bảo đảm/người đang sinh sống trên tài sản cố tình không bàn giao tài sản cho TCTD thực hiện việc thu giữ theo quy định; cơ quan thuế nhiều địa phương vẫn yêu cầu bên nhận bảo đảm/bên nhận chuyển nhượng phải đóng thay tiền thuế thu nhập cho bên bảo đảm mới thực hiện các thủ tục liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận, sang tên cho người nhận chuyển nhượng, các cơ quan thi hành án sau khi thực hiện thủ tục xử lý tài sản bảo đảm vẫn tiến hành trích thu luôn tiền án phí, tiền thuế thu nhập cá nhân đối với các tài sản bảo đảm bán đấu giá thành trước khi chuyển tiền về cho các TCTD, mặc dù tài sản bảo đảm sau khi xử lý vẫn không đủ trả nợ cho TCTD...

**2. Sự cần thiết ban hành Luật về xử lý nợ xấu**

Nghị quyết 42 là Nghị quyết thí điểm nên hiệu lực chỉ kéo dài 5 năm, đến ngày 15/8/2022 Nghị quyết 42 sẽ hết hiệu lực thi hành. Khi hết hiệu lực thi hành, toàn bộ cơ chế về xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42 đang được thực hiện sẽ chấm dứt, việc xử lý nợ xấu của TCTD sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, không được ưu tiên áp dụng một số chính sách được quy định tại Nghị quyết 42. Điều này sẽ tác động lớn đến quá trình xử lý nợ xấu của các TCTD/VAMC, cũng như quá trình tái cơ cấu TCTD. Việc ban hành Luật để tiếp tục duy trì các chính sách xử lý nợ xấu là cần thiết vì các lý do như sau:

***2.1. Việc thiếu hụt các chính sách hụt liên quan đến về xử lý nợ xấu dẫn đến:***

- Những bất cập về cơ chế, chính sách hỗ trợ xử lý nợ xấu không được giải quyết sẽ không khuyến khích, huy động được các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia cơ cấu lại các TCTD. Hiện trạng thiếu hụt cơ chế, chính sách khuyến khích để hỗ trợ TCTD, VAMC xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm cũng sẽ kéo dài quá trình xử lý nợ xấu;

- Các khó khăn, vướng mắc, bất cập, xung đột pháp lý giữa các văn bản quy phạm pháp luật ngành Ngân hàng với các văn bản quy phạm pháp luật khác, nhất là liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm không được kịp thời tháo gỡ sẽ ảnh hưởng lớn đến tiến trình xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD, đặc biệt ảnh hưởng đến quá trình xử lý tổ chức tín dụng yếu kém.

Đồng thời, các khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu trên đa số xuất phát từ quá trình thực thi, từ các quy định tại các luật hiện hành, do vậy, cơ chế xử lý nợ xấu phải được quy định thành một Luật riêng của Quốc hội.

***2.2. Nợ xấu trong thời gian tới sẽ tiếp tục gia tăng do đại dịch Covid-19, vẫn cần có cơ chế để tiếp tục xử lý nợ xấu:***

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu, tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam, gây tác động tiêu cực đến thu nhập của các cá nhân, hộ gia đình và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Điều này dẫn đến khả năng trả nợ của khách hàng vay suy giảm, nợ xấu của các TCTD có khả năng tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới, việc kiểm soát tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD ở mức dưới 2% trong thời gian tới được coi là thách thức không nhỏ đối với ngành ngân hàng. Bên cạnh đó, mô hình tăng trưởng của Việt Nam là mô hình phụ thuộc vào quy mô vốn đầu tư; trong đó chủ yếu dựa vào tín dụng từ khu vực ngân hàng. Nếu các khó khăn, vướng mắc trong khuôn khổ pháp lý liên quan đến xử lý nợ xấu (đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp) chưa được tháo gỡ thì sẽ không thể khơi thông được nguồn vốn của hệ thống ngân hàng, qua đó ảnh hưởng đến mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng và tăng trưởng GDP của nền kinh tế.

Như vậy, tác động của dịch Covid-19 đối với nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng sẽ tác động tới khả năng thực hiện thành công các mục tiêu của Đảng, Quốc hội và Chính phủ đề ra đối với ngành Ngân hàng trong giai đoạn 2021-2025, trong đó có các mục tiêu về cơ cấu lại, xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD, là thách thức, khó khăn không nhỏ, đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của toàn ngành Ngân hàng cũng như sự hỗ trợ của toàn hệ thống chính trị.

***2.3. Mức độ an toàn hoạt động ngân hàng và nguy cơ rủi ro lan truyền:***

Mức độ an toàn của hệ thống các TCTD còn thấp so với các nước trong khu vực, trong khi đó gánh nặng cung cấp vốn cho nền kinh tế đặt lên hệ thống các TCTD ngày càng lớn và hệ thống các TCTD dễ bị tổn thương trước tác động bất lợi, đột ngột từ môi trường kinh doanh. Những bất cập, thiếu hụt trong khuôn khổ pháp lý về xử lý nợ xấu nếu không được xử lý kịp thời sẽ dẫn tới các khó khăn và làm chậm tiến độ trong công tác xử lý nợ xấu; làm ảnh hưởng tới niềm tin của công chúng đối với công tác xử lý nợ xấu, qua đó ảnh hưởng đến sự an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD và tạo ra nguy cơ rủi ro lan truyền.

**3.** Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, xác định chủ trương lớn trong cơ cấu lại thị trường tài chính là “*Ban hành các quy định hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng; giao thẩm quyền và nâng cao năng lực của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) trong mua bản nợ theo giá thị trường gắn với xử lý tài sản thế chấp, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ; đồng thời, bố trí nguồn lực phù hợp để xử lý nhanh và dứt điểm nợ xấu trong nền kinh tế* ...”.

Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11/11/2020 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 có nội dung *“Tiếp tục đẩy mạnh xử lý nợ xấu, cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, nhất là các ngân hàng thương mại yếu kém, bảo đảm an toàn hệ thống, ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng…”.*

Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 15/8/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng có nội dung: *“Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Quốc hội kết quả xử lý nợ xấu hằng năm, báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết này tại kỳ họp đầu năm 2022 và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm”.*

- Chỉ thị số 32/CT-TTg có nội dung: *“a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan rà soát và báo cáo Chính phủ về đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm trên cơ sở thực tiễn áp dụng các quy định tại Nghị quyết trước ngày 15 tháng 8 năm 2021”.*

Như vậy, việc ban hành Luật về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng là rất cần thiết, nhằm thể chế hóa chủ trương chính sách của Đảng và cần thực hiện ngay để đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn và thực hiện nhiệm vụ do Quốc hội giao. Đây là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định để thực hiện hiệu quả và khả thi việc xử lý nợ xấu, qua đó góp phần phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn mới và khắc phục những khó khăn, hạn chế của các TCTD, đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid, tạo nền tảng cho sự phát triển an toàn, hiệu quả của hệ thống tổ chức tín dụng, gia tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng của doanh nghiệp, tạo điều kiện phát triển kinh tế bền vững.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Mục đích**

Việc xây dựng Luật để quy định về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của toàn hệ thống ngân hàng, nâng cao vai trò, năng lực của VAMC. Luật này nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý xử lý nợ xấu, tạo cơ sở pháp lý và các cơ chế xử lý triệt để các vướng mắc, khó khăn pháp lý hiện hành liên quan đến xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm các khoản nợ của tổ chức tín dụng, tạo cơ chế xử lý đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi các khoản nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm các khoản nợ của tổ chức tín dụng, để đảm bảo sự an toàn, phát triển bền vững cho toàn hệ thống ngân hàng nói riêng và tổng thể nền kinh tế nói chung, đảm bảo các tổ chức tín dụng tiếp tục phát huy tốt vai trò là kênh dẫn vốn chủ đạo, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

2.1. Luật cần kế thừa các quy định tại Nghị quyết 42/2017/QH14 để cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến xử lý nợ xấu.

2.2. Cần phải xác định Luật là một văn bản chuyên ngành để xử lý nợ xấu nhằm xử lý triệt để và hiệu quả nợ xấu của ngành ngân hàng. Các nội dung liên quan đến xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm cần được ưu tiên thực hiện theo quy định của Luật này.

2.3. Luật cần khắc phục các vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm như đã được đề cập tại Báo cáo Chính phủ về đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VAMC.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

2.2. Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu (VAMC)

2.3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Luật hóa các quy định tại Nghị quyết số 42**

**Mục tiêu chính sách:**

Luật hóa các quy định của Nghị quyết 42 dưới hình thức ban hành một Luật về xử lý nợ xấu. Theo đó, Luật về xử lý nợ xấu sẽ kế thừa các quy định của Nghị quyết 42 còn phù hợp và sửa đổi, bổ sung các nội dung khác để phù hợp với thực tiễn hoạt động xử lý nợ xấu, khắc phục những khó khăn, bất cập khi thực hiện Nghị quyết 42, nhằm tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, ổn định về xử lý nợ xấu đảm bảo phù hợp với thực tiễn và tiệm cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế cũng như giải quyết các vấn đề bất cập, xung đột pháp lý giữa các văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết các khó khăn, vướng mắc mà TCTD, VAMC gặp phải trong quá trình xử lý nợ xấu của TCTD, tạo điều kiện cho TCTD thúc đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu.

**Lý do lựa chọn:** Cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy cần thiết phải trình Quốc hội xây dựng Luật về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ của các TCTD vì các lý do sau:

a. Tác động kinh tế:

- Tiếp tục duy trì chính sách xử lý nợ xấu tại Nghị quyết 42 tạo điều kiện cho TCTD đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu, thu hồi vốn nhanh, khơi thông nguồn vốn cho TCTD hoạt động, kinh doanh, góp phần ổn định hoạt động của TCTD, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu của TCTD và tránh các nguy cơ tiềm ẩn của nền kinh tế.

- Việc tiếp tục duy trì chính sách về quyền thu giữ tài sản của TCTD/VAMC: Giảm các vụ việc phải giải quyết tại Tòa án, rút ngắn được quá trình xử lý tài sản bảo đảm, qua đó giảm thiểu chi phí cho Nhà nước và TCTD/VAMC, tối đa hóa giá trị thu nợ từ tài sản bảo đảm, giảm nợ xấu của hệ thống TCTD, tăng quyền tiếp cận tín dụng ngân hàng cho các doanh nghiệp.

- Việc ghi nhận VAMC/bên mua nợ của TCTD/VAMC khi mua các khoản nợ có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất giải quyết khó khăn, vướng mắc cho VAMC khi mua các khoản nợ có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; thúc đẩy các cá nhân, tổ chức bên ngoài tham gia vào quá trình xử lý nợ xấu, qua đó đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu theo mục tiêu của Quốc hội, Chính phủ, tạo điều kiện hình thành thị trường mua bán nợ, qua đó tăng quyền tiếp cận tín dụng ngân hàng của doanh nghiệp.

- Việc duy trì chính sách không được kê biên đối với tài sản đang cầm cố, thế chấp tại TCTD/VAMC khi chưa đến hạn trả nợ được bảo đảm, mặt tiêu cực là làm giảm khả năng thi hành án của bên chủ tài sản cầm cố/thế chấp. Về mặt tích cực: Đảm bảo không làm xáo trộn tới hoạt động cấp vốn, sử dụng vốn giữa TCTD và khách hàng, qua đó không làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của các cá nhân, tổ chức vay vốn tại TCTD.

- Việc duy trì chính sách về thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm: Làm tăng khả năng thu hồi nợ của các TCTD, giảm áp lực tài chính cho TCTD trong quá trình xử lý nợ xấu, bảo đảm nguyên tắc khi xử lý tài sản bảo đảm phải ưu tiên thanh toán cho bên nhận tài sản bảo đảm.

b. Tác động xã hội

- Việc xử lý nợ xấu nói chung, xử lý tài sản bảo đảm nói riêng, không chỉ đơn thuần giúp các TCTD thu hồi nợ mà còn bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn của hệ thống ngân hàng, hệ thống tài chính quốc gia. Do đó, việc tiếp tục duy trì các chính sách từ Nghị quyết 42 sẽ tạo tâm lý tin tưởng của nhân dân và hệ thống ngân hàng.

- Về quyền thu giữa tài sản bảo đảm: Giải pháp này thúc đẩy chủ tài sản phối hợp với VAMC/TCTD trong quá trình thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm, tránh cho chủ tài sản có tâm lý chây ỳ, trốn tránh trả nợ, tạo điều kiện cho VACM/TCTD thúc đẩy nhanh quá trình thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm nói riêng và xử lý nợ xấu nói chung. Ngoài ra, quyền thu giữ tài sản bảo đảm của TCTD đã được các TCTD thực hiện từ hơn 10 năm qua theo quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm (Điều 63), Nghị quyết 42 chỉ quy định nhằm nối tiếp các quyền này của chủ nợ là TCTD/VAMC. Quy định này cũng là biện pháp phù hợp nhằm tránh tình trạng con nợ không hợp tác trong quá trình xử lý nợ (gồm cả việc thực thi các quyền và nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng).

- Việc mở rộng đối tượng được nhận thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của tổ chức sử dụng đất bao gồm cả VAMC và bên mua nợ của TCTD và VAMC với mục đích là thúc đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu, do đó sẽ không ảnh hưởng tới các chính sách về đất đai. Quy định này cũng nhằm thống nhất quan điểm của các cơ quan quản lý và các cơ quan tư pháp (trong quá trình xét xử) nhằm xử lý thống nhất các vụ việc tranh chấp phát sinh, giảm thiểu chi phí về tài chính và thời gian của các bên trong quá trình tham gia tố tụng.

- Bổ sung quy định về phân bổ dần lãi dự thu, chênh lệch giữa giá trị khoản nợ và giá bán nợ xấu của tổ chức tín dụng trong khoảng thời gian nhất định, quy định này đảm bảo quyền chủ nợ của bên nhận bảo đảm, đảm bảo quyền tự do thỏa thuận giữa các bên, không làm gia tăng nợ xấu của hệ thống TCTD, không làm xáo trộn hoạt động sản xuất, kinh doanh, của TCTD và khách hàng.

**2. Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị quyết 42**

**2.1. Sửa đổi chính sách về quyền thu giữ tài sản không cần phải thỏa thuận trong hợp đồng**

**Mục tiêu chính sách:**

Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 42/2017/QH14, điều kiện TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là *“Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm…”*. Tuy nhiên, các hợp đồng bảo đảm được ký kết trước thời điểm Nghị quyết 42 có hiệu lực đều không quy định trực tiếp nội dung này (vì tại thời điểm hợp đồng được ký kết thì Nghị định 163/2006/NĐ-CP không quy định nội dung này). Do vậy, để đủ điều kiện áp dụng quyền thu giữ tài sản bảm đảm theo quy định trên, các TCTD phải đàm phán lại với bên vay/bên bảo đảm để ký lại hợp đồng bảo đảm có điều khoản thu giữ. Tuy nhiên, khách hàng thường không hợp tác (không ký lại nội dung điều chỉnh hợp đồng bảo đảm có điều khoản thu giữ), vì vậy, các TCTD rất khó để thực hiện việc thu giữ tài sản bảo đảm theo Điều 7 Nghị quyết 42. Do đó, để giải quyết khó khăn, vướng mắc của TCTD/VAMC trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm liên quan đến việc giao tài sản bảo đảm để xử lý, tạo điều kiện cho TCTD/VAMC thúc đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu, tránh trường hợp chủ tài sản chây ỳ, chống đối không ký lại thỏa thuận/hợp đồng bảo đảm có điều khoản thu giữ nhằm kéo dài thời gian xử lý, gây ảnh hưởng lớn đến việc xử lý nợ xấu của TCTD/VAMC.

**Lý do lựa chọn:** Sửa đổi quy định về việc thu giữ tài sản bảo đảm theo hướng TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu mà không cần phải có thỏa thuận về việc bên nhận bảo đảm đồng ý cho TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm trong hợp đồng bảo đảm nhằm:

- Giảm các vụ việc phải giải quyết tại Tòa án, rút ngắn được quá trình xử lý tài sản bảo đảm, qua đó giảm thiểu chi phí cho Nhà nước và TCTD/VAMC, tối đa hóa giá trị thu nợ từ tài sản bảo đảm, giảm nợ xấu của hệ thống TCTD, tăng quyền tiếp cận tín dụng ngân hàng cho các doanh nghiệp.

- Mặt tích cực: Tính đến thời điểm Nghị quyết 42/2017/QH14 có hiệu lực, quyền thu giữ tài sản bảo đảm đã được thực hiện hơn 10 năm theo quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm (Điều 63), theo đó, việc thu giữ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này được các bên thực hiện và không bắt buộc phải có thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm. Việc quy định tại Nghị quyết 42/2017/QH14 để áp dụng trở lại với các hợp đồng bảo đảm đã được ký kết trước đây gây khó khăn, bất cập cho các TCTD khi khách hàng không hợp tác trong việc ký lại hợp đồng bảo đảm. Do đó, việc không quy định phải có thỏa thuận về việc bên nhận bảo đảm đồng ý cho TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm trong hợp đồng bảo đảm sẽ thúc đẩy chủ tài sản phối hợp với TCTD/VAMC trong quá trình thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm, tránh cho chủ tài sản có tâm lý chây ỳ, trốn tránh trả nợ, tạo điều kiện cho TCTD/VAMC thúc đẩy nhanh quá trình thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm nói riêng và xử lý nợ xấu nói chung.

Quy định này cũng là biện pháp phù hợp nhằm tránh tình trạng con nợ lợi dụng quy định tại Nghị quyết để không hợp tác trong quá trình xử lý nợ (gồm cả việc thực thi các quyền và nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng).

**2.2. Sửa đổi chính sách về áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm**

**Mục tiêu chính sách:**

Để đảo bảo quả hoạt động xử lý tài sản bảo đảm qua tòa án thông qua thủ tục tố tụng rút gọn Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất bổ sung quy định tại Điều 8 Nghị quyết 42 theo hướng loại trừ không áp dụng: quy định về trường hợp xuất hiện tình tiết mới trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn (khoản 3 Điều 317) và quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn (khoản 4 Điều 323) của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đối với các vụ án giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm tại Tòa án.

**Lý do lựa chọn:**

Để triển khai Nghị quyết 42, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn về việc áp dụng thủ tục rút gọn. Tuy nhiên, trên thực tế, việc hoàn thiện các thủ tục theo yêu cầu của Tòa án để áp dụng thủ tục rút gọn gặp nhiều khó khăn, như việc thực hiện quy định về xác nhận công nợ, tài liệu về nơi cư trú của người bị kiện (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), do khi xảy ra nợ xấu, đa phần khách hàng trốn tránh, không hợp tác với TCTD để phối hợp xử lý, nên việc xác nhận này rất khó thực hiện;… Bên cạnh đó, theo quy định tại Khoản 3 Điều 317 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về điều kiện áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn và Khoản 4 Điều 323 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn thì trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, nếu xuất hiện tình tiết mới mà các bên đương sự không thống nhất làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn thì Tòa án phải ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Như vậy, trường hợp bên có nghĩa vụ trả nợ/chủ tài sản/bên bảo đảm không hợp tác, chống đối, rất dễ dẫn đến trường hợp cố tình tạo ra các tình tiết mới làm cho vụ án không còn bảo đảm điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 42 để đưa vụ án về thủ tục tố tụng thông thường, dẫn đến việc không thể áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn theo quy định tại Nghị quyết 42.

Việc quy định loại trừ không áp dụng quy định về trường hợp xuất hiện tình tiết mới trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn (khoản 3 Điều 317) và quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn (khoản 4 Điều 323) của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đối với các vụ án giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm tại Tòa án sẽ hỗ trợ rất nhiều trong việc tăng cường tốc độ xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng. Do vậy, giảm chi phí xử lý nợ, tài sản bảo đảm.

**2.3.** **Sửa đổi chính sách về việc xác định thời hạn khoản nợ là nợ xấu**

**Mục tiêu chính sách:**

Mở rộng phạm vi khoản nợ xấu được áp dụng các chính sách tại Nghị quyết 42, tạo điều kiện cho TCTD/VAMC áp dụng các chính sách xử lý nợ xấu tại Nghị quyết 42 đối với cả các khoản nợ xấu được hình thành sau ngày 15/8/2017 và sau đó được xác định là nợ xấu, giúp tăng cường kết quả xử lý nợ xấu, khơi thông được nguồn vốn của hệ thống ngân hàng.

**Lý do lựa chọn chính sách:** Sửa đổi quy định về việc xác định khoản nợ là nợ xấu theo hướng không tính thời hạn là khoản nợ hình thành trước ngày 15/7/2017 mà tất cả các khoản nợ được xác định là khoản nợ xấu sẽ được áp dụng các chính sách về xử lý nợ xấu.

a. Tác động về kinh tế:

Với quy định này, các khoản nợ xấu của TCTD nói chung sẽ được áp dụng các chính sách như quy định tại Nghị quyết 42, từ đó dẫn đến rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí xử lý nợ, hiệu quả hoạt động của TCTD tăng lên, tác động tích cực đến nguồn thu ngân sách; đồng thời, TCTD cũng được phân bổ chênh lệch giữa giá trị khoản nợ và giá bán khoản nợ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm với mức phân bổ tối thiểu là chênh lệch thu chi, giúp giảm tác động đột ngột đến tình hình tài chính của TCTD, hỗ trợ TCTD có thêm nguồn lực tài chính để hoạt động kinh doanh hiệu quả.

b. Tác động về xã hội:

Trong bối cảnh dịch bênh Covid-19 bùng phát sẽ dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát nợ xấu phát sinh và duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn, ảnh hưởng đến sự an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD nói riêng và nguồn cung tín dụng cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế nói chung. Quy định này sẽ có tác động tích cực về mặt xã hội do việc tiếp tục cơ chế xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42 đối với phạm vi các khoản nợ xấu rộng hơn sẽ tác động làm tăng ý thức tự trả nợ của khách hàng, bảo vệ tốt hơn quyền chủ nợ hợp pháp của các TCTD, tăng cường niềm tin của người gửi tiền, nhà đầu tư đối với chủ trương, chính sách của Nhà nước, Chính phủ về công tác tái cơ cấu và xử lý nợ xấu.

**3. Chính sách 3: Bổ sung quy định về việc hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật của các vụ việc hành chính.**

**Mục tiêu của chính sách:**

Nâng cao hiệu quả của hoạt động xử lý nợ xấu, đảm bảo quyền của chủ nợ, qua đó thúc đẩy nhanh quá trình thu hồi nợ của TCTD/VAMC.

**Lý do lựa chọn:**

Việc quy định về việc hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật của các vụ việc hành chính đảm bảo quyền lợi chính đáng của chủ nợ, đảm bảo việc xử lý nợ xấu được thực hiện một cách nhanh chóng, tránh thiệt hại cho TCTD khi số tiền xử lý tài sản là vật chứng trong vụ việc hành chính được hoàn trả cho bên bảo đảm.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

- ***Nguồn lực về thuế, phí*** thông qua việc miễn giảm các loại thuế, phí liên quan đến mua, bán nợ xấu và các tài sản đảm bảo nợ của TCTD.

- ***Nguồn lực từ ngân sách Nhà nước*** xử lý các khoản nợ xấu liên quan đến nợ đọng xây dựng cơ bản có bố trí nguồn vốn từ ngân sách và nợ xấu của doanh nghiệp nhà nước..

Về cơ bản, việc đảm bảo thi hành Luật không phát sinh đáng kể các nguồn lực và điều kiện khác (*nhân sự, cơ sở vật chất,* …). Do đó, việc có các nguồn lực tài chính nêu trên sẽ đảm bảo điều kiện cho việc thi hành Luật sau khi được thông qua, bảo đảm tính khả thi của chính sách.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

**1. Về đề nghị áp dụng quy trình xây dựng Luật theo trình tự rút gọn**

Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng sẽ hết hiệu lực vào ngày 15/8/2022. Khoản 3 Điều 19 Nghị quyết 42 quy định: *“Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Quốc hội kết quả xử lý nợ xấu hằng năm, báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết này tại kỳ họp đầu năm 2022 và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm”.* Để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ công việc được giao tại Nghị quyết 42, đồng thời, đảm bảo tính hiệu lực liên tục của các chính sách về xử lý nợ xấu, Ngân hàng Nhà nước kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội cho phép áp dụng thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng Luật nêu trên theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 và Điều 147 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 trên cơ sở xem xét áp dụng “trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội”.

**2.** Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết là *kỳ họp Quốc hội khóa 15 đầu năm 2022.*

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1)Báo cáo đánh giá tác động.; (2) Báo cáo tổng kết thi hành;(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến các Bộ và (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của một số đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách; (5) Bản giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định; bản chụp văn bản thẩm định, (6) Đề cương dự thảo Nghị quyết; (7) Bản sao ý kiến góp ý Bộ ngành; (8) Tài liệu tham khảo)*.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để b/c); - Văn phòng Chính phủ (để p/h); - Bộ Tư pháp (để p/h);  - BLĐ NHNN; - Lưu: VT, PC (2)  DTAThu. | **THỐNG ĐỐC** |

1. Bao gồm nợ xấu nội bảng, nợ hạch toán ngoại bảng cân đối kế toán, nợ xấu đã bán cho VAMC được thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt được xác định theo Nghị quyết 42. [↑](#footnote-ref-1)
2. Không bao gồm nợ xấu xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro. [↑](#footnote-ref-2)